

Số: /KH-UBND

Tượng Lĩnh, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Tượng Lĩnh năm 2026

Thực hiện Công văn số 17710/UBND-CNXDKH ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc giao xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh;

Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/7/2025 của UBND xã về việc thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Tượng Lĩnh. Ủy ban nhân dân xã Tượng Lĩnh xây dựng báo cáo và ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG NĂM 2025

Cùng với cả nước trong thực hiện chủ trương lớn của Đảng về mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Tượng Lĩnh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã thành xã Tượng Lĩnh (gồm xã Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Tượng Sơn) và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 với dân số trên 18 025 người, tổng số hộ 4181 hộ dân.

Trên cơ sở kết quả chuyển đổi số đã đạt được trong thời gian vừa qua của xã 03 xã trước đây, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Cơ sở hạ tầng viễn thông được đầu tư theo hướng đồng bộ, mạng truyền dẫn băng thông rộng và mạng di động 4G, 5G đã phủ sóng đến thôn, cụm dân cư, công nghệ số đã và đang được áp dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực, rõ nét nhất là trong các ngành tài chính, ngân hàng, thuế, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế...

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm, các doanh nghiệp tích cực tham gia chuyển đổi số. Thuế điện tử, hóa đơn điện tử được phổ cập. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99%. Người dân tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng thể

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; bảo đảm an toàn thông tin mạng, hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2. Kết quả nổi bật

- 100% cán bộ, công chức xã đã được tập huấn, có chữ ký số cá nhân.
- 100% văn bản hành chính được xử lý trên môi trường điện tử.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến.
- 100% thôn có Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động thường xuyên.
- 85% người dân sử dụng điện thoại thông minh có thể truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 97.8%;

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

1.1. Kết quả đạt được:

- Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyên đổi số xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Duy trì họp định kỳ hàng quý, ban hành kế hoạch triển khai từng quý và chuyên đề theo hướng dẫn của cấp trên.

- 19/19 thôn đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng với số lượng 98 thành viên. Đến nay tổ công nghệ số cộng đồng đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền cho nhân dân về lợi ích của việc tham gia chuyên đổi số, đặc biệt là thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực thiết yếu như: Giáo dục, Y tế, thanh toán tiền điện.....

1.2. Tồn tại, hạn chế:

Năng lực số của một số cán bộ còn hạn chế, công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

2. Công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách:

UBND xã Tượng Lĩnh đã ban hành các văn bản về chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 05/KH- UBND, ngày 11 tháng 7 năm 2025 Triển khai thực hiện Kế hoạch số 285-KH/TU ngày 27/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 28/KH- UBND, ngày 11 tháng 8 năm 2025 Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 16/7/2025 Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Tượng Lĩnh.

- Ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 về việc thành lập Tổ hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn vận hành hệ thống CNTT, giải quyết thủ tục hành chính tại xã Tượng Lĩnh.

- Ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 về việc Thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng xã Tượng Lĩnh.

- Ban hành Quyết định số 108/QĐ- UBND, ngày 25 tháng 7 năm 2025 Về việc Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Tượng Lĩnh.

- Ban hành Quyết định số 109/QĐ- UBND, ngày 25 tháng 7 năm 2025 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2.2. Tổ chức triển khai:

- Triển khai tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã qua các hội nghị của xã, hội nghị của thôn, qua hệ thống đài truyền thanh của xã, qua nhóm Zalo của các thôn, qua trang thông tin điện tử. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về chuyển đổi số, chính quyền số của Trung ương và của tỉnh.

- Phối hợp Trung tâm cung ứng dịch vụ công hướng dẫn sử dụng chữ ký số, khai thác Cổng dịch vụ công.

*** Hạn chế:**

- Người dân chưa thực sự quen với dịch vụ công trực tuyến, tính chủ động để thực hiện dịch vụ công còn hạn chế.

- Tỷ lệ chữ ký số của người dân còn thấp chưa đạt 45% theo chỉ tiêu tỉnh giao (Lý do: Phần mềm cài đặt chữ ký số cho người dân chỉ được miễn phí 1 năm. Sau 1 năm sẽ mất cước phí trong khi đó nhu cầu sử dụng của người dân không cao).

- Thiếu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia Chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

3.1. Kết quả:

- Trên địa bàn xã hiện có 03 nhà mạng (VNPT, Viettel, Vinaphone, Mobiphone) phủ sóng di động 4G, 5G đến 100% thôn và trung tâm xã.

- Hệ thống Internet cáp quang đã đến 85% hộ dân, trong đó 100% cơ quan, trường học, trạm y tế có kết nối mạng ổn định.

- Trụ sở UBND xã đã trang bị 37 bộ máy tính cho cán bộ, công chức, đảm bảo 100% cán bộ, công chức có máy tính để làm công việc.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng.

- Hệ thống mạng LAN, Wifi được lắp đặt phủ khắp các phòng làm việc.

- Trang thiết bị trình chiếu, hội nghị trực tuyến đảm bảo kết nối thông suốt với tỉnh và Trung Ương.

- Thiết bị mạng, hạ tầng nội bộ của UBND xã được lắp đặt đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, đảm bảo công tác thực hiện chuyên môn và chuyển đổi số.

3.2. Tôn tại:

Hạ tầng mạng tại các thôn, trường học, trạm y tế chưa đồng bộ.

4. Bồi dưỡng, phát triển nhân lực số

*** Kết quả:**

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kỹ năng số, khai thác Cổng dịch vụ công, kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý dùng chung của tỉnh, hộ tịch điện tử.

- Hiện nay, UBND xã hiện có 01 công chức kiêm nhiệm phụ trách về CNTT, quản trị mạng và chuyển đổi số.

- 100% số thôn đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng (Đã thành lập 19 tổ công nghệ số cộng đồng tại 19 thôn).

- Nhân lực trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số: Hiện tại xã Tượng Lĩnh đã bố trí 01 công chức thuộc khối chính quyền phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số. Cơ bản đáp ứng về yêu cầu chuyển đổi số.

5. Dữ liệu số

5.1 Kết quả:

- Cập nhật, đồng bộ dữ liệu dân cư với CSDL quốc gia. Triển khai dữ liệu đất đai, hộ tịch, cán bộ công chức lên hệ thống quản lý.

- Thực hiện khai thác, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, không yêu cầu người dân xuất trình giấy xác nhận thông tin cư trú, thông báo số định danh cá nhân khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC.

5.2 Hạn chế:

- Thiếu nhân lực phụ trách kỹ thuật, một số dữ liệu chưa được chuẩn hóa.

6. An toàn thông tin mạng

6.1 Kết quả:

- UBND xã quán triệt thực hiện nghiêm Luật An ninh mạng năm 2018, Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, văn bản số 34/TBATANMTP-KSTTHC ngày 4/4/2024 về việc tăng cường công tác bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin trọng yếu.

- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Thực hiện bảo mật dữ liệu, phân quyền truy cập, sao lưu định kỳ, cài đặt phần mềm bảo mật, cảnh báo truy cập lạ.

6.2 Hạn chế:

Nhận thức của người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân còn thấp.

7. Chính quyền số

7.1 Kết quả:

- 100% cán bộ, công chức xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử.

- 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

- 100% hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

7.2 Hạn chế:

Một số dịch vụ còn phức tạp, người dân vẫn đến nộp trực tiếp hồ sơ.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1 Kết quả:

- 100% hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã thực hiện khai báo thuế trên nền tảng số của cơ quan quản lý thuế và thanh toán các khoản thuế phát sinh quan nền tảng thanh toán trực tuyến .

- 65% người dân trên địa bàn xã được tuyên truyền, hướng dẫn và tiếp cận, đăng ký sử dụng ứng dụng “công dân số” của Bưu điện Việt Nam (VNPost) và tiếp cận các chương trình thanh toán không dùng tiền mặt .

- 100% giao dịch hành chính, thu phí, lệ phí được khuyến khích không dùng tiền mặt.

- Người dân trên địa bàn xã tiếp cận nền tảng số dữ liệu công dân về quản lý định danh, tiêm chủng, BHYT, BHXH... thuộc nền tảng số quốc gia hoặc do Bộ ngành, cơ quan chuyên trách trung ương triển khai .

- 100% cơ sở giáo dục các bậc học bao gồm: Tiểu học, THCS tương đương đã tiếp cận mô hình trường học điện tử.

8.2 Hạn chế:

- Trình độ nhận thức và sử dụng công nghệ thông tin của người dân còn nhiều hạn chế, ít sử dụng đến công dịch vụ công trực tuyến.

- Tỷ lệ chữ ký số của người dân còn thấp chưa đạt 35% theo chỉ tiêu tỉnh giao (lý do: Phần mềm cài đặt chữ ký số cho người dân chỉ được miễn phí 1 năm. Sau 1 năm sẽ mất cước phí trong khi nhu cầu người dân thấp)

- Kinh phí nhà nước dành cho chuyển đổi số của UBND xã hạn chế. Chưa bố trí được công chức có chuyên môn sâu về CNTT.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về CDS

9.1 Kết quả:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số 10/10, tuyên truyền trên loa truyền thanh, bảng tin, mạng xã hội.

- Việc tuyên truyền tiếp cận chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã, cán bộ, công chức, lãnh đạo doanh nghiệp, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn tiếp tục được UBND xã quan tâm triển khai chỉ đạo thực hiện.

9.2 Hạn chế:

- Tổ công nghệ số ở thôn chủ yếu là người lớn tuổi nên về CNTT hạn chế.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trên cơ sở kết quả chuyển đổi số đã đạt được trong thời gian vừa qua của các xã trước đây, UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thực hiện Chương

trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; chủ động xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, số 285-KH/TU ngày 27/6/2025 về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã tích cực chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số, với tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt 100%, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã từng bước ứng dụng công nghệ số đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng thị trường, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân.

2. Khó khăn

Nguồn lực hạn chế, thiếu nhân lực kỹ thuật, thiết bị công nghệ chưa đồng bộ.

3. Nguyên nhân của khó khăn

Chưa có cơ chế hỗ trợ cụ thể cho cấp xã; hạ tầng vùng nông thôn còn yếu.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị cấp trên quan tâm hỗ trợ kinh phí nâng cấp hạ tầng mạng đến các thôn.
- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong triển khai trợ lý ảo, nền tảng dữ liệu mở và chữ ký số công cộng.
- Kiến nghị sớm ban hành bộ chỉ số đánh giá CDS cấp xã năm 2026 làm cơ sở theo dõi, đánh giá.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025-2030;
- Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hạ tầng, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu mở, CSDL dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng số

- Phổ cập mạng cáp quang đến 85% các hộ gia đình.
- Mở rộng vùng phủ sóng 5G đạt tỷ lệ 80% trên địa bàn xã trong đó ưu tiên phát triển tại trung tâm hành chính, khu khu dân cư, khu du lịch và phấn đấu số trạm 5G phát sóng trong năm 2026 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng.
- Tốc độ tải xuống trung bình của mạng băng rộng di động: tối thiểu 40 Mbit/s cho mạng 4G và 100 Mbit/s cho mạng 5G tại các khu vực phủ sóng dịch vụ (kết quả đo kiểm bằng ứng dụng i-Speed tại địa phương).
- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s đạt 50%.

- Hệ thống thông tin tại các cơ quan khối Đảng, Chính quyền và MTTQ xã được triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ blockchain trong các ngành, lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, giao thông - vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại, du lịch, nông nghiệp, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực khác.

2.2. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

- Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định).
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.
- 100% cán bộ, công chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.

2.3. Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên cổng dịch vụ quốc gia và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau.
- 100% người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.
- 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- Bảo đảm cung cấp 982 dịch vụ công trực tuyến với số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm (*không áp dụng chỉ tiêu này đối với những thủ tục hành chính có tần suất thấp, đối tượng tuân thủ và thuộc những lĩnh vực đặc thù*).

- 20% TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

- Bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng, thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công của xã theo mô hình chính quyền mới, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn.

2.4. Phát triển Kinh tế số

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 70%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 70%.

2.5. Thúc đẩy xây dựng Xã hội số

- 100% người dân được hướng dẫn đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT-Internet of Things).

- Tỷ lệ dân số trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên) có tài khoản định danh điện tử đạt trên 80%.

- 55% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.

- 70% người dân sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- Trường Tiểu học, THCS được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh để tham gia môi trường mạng an toàn.

2.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, trọng tâm là bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, trong đó:

+ Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, gán nhãn tín nhiệm mạng trên trang thông tin điện tử.

+ Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ và tình hình thực tế của địa phương để tham mưu ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân địa phương.

- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn xã để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng mô hình.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số, chủ động thí điểm triển khai sáng kiến mới tại các cơ quan, đơn vị các thôn trên địa bàn xã.

2. Thể chế số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các văn bản pháp luật theo quy định nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại văn bản, kế hoạch của tỉnh và của địa phương.

- Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch này.

3. Hạ tầng số

3.1. Phát triển Hạ tầng viễn thông và Internet

a) Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, độ trễ thấp đến các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, trường học, các khu du lịch...; đặc biệt là tại các địa điểm chưa có hạ tầng mạng, sẵn sàng kết nối mạng cáp quang băng rộng đến 100% hộ gia đình có nhu cầu.

b) Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: khu vực hành chính công, khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm, cơ sở y tế, đầu mối giao thông, dọc tuyến đường trên địa bàn xã, các khu dân cư, khu vực tập trung đông dân cư, nhà nghỉ, bến xe...

c) Tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung, hạ tầng mạng dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông để mở rộng vùng phủ sóng mạng di động 4G, 5G cũng như giảm thiểu chi phí đầu tư, bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân.

3.2. Phát triển Hạ tầng dữ liệu

Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT để kết nối thông suốt Trung tâm dữ liệu của tỉnh ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan, đơn vị theo công nghệ điện toán đám mây nhằm khai thác CSDL phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

3.3. Phát triển Hạ tầng vật lý - số

a) Nâng cấp, xây dựng hệ thống thông tin tại UBND đáp ứng các yêu cầu theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, đồng thời đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng theo Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ cung cấp hạ tầng dùng chung; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối dữ liệu.

c) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

d) Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn trên địa bàn phường như y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

e) Tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 4G, 5G cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám mây và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) để phát triển các ngành tiêu thủ công nghiệp.

3.4. Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số...

a) Tiếp tục xây dựng và ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số như: Tài khoản định danh điện tử, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu, xác thực văn bản số, chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Quản lý, tích hợp, chia sẻ CSDL quốc gia như: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL căn cước công dân, CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh và CSDL chữ ký số để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử...

b) Ứng dụng các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ sử dụng ít dữ liệu hơn, cần ít sức mạnh tính toán hơn và tiêu thụ ít năng lượng hơn, cung cấp công nghệ AI, blockchain, IoT như dịch vụ.

c) Sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hoá, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.

d) Phát triển, ứng dụng công nghệ blockchain.

- Nghiên cứu, đề xuất tham gia các hoạt động xây dựng, hình thành hạ tầng blockchain, xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng và phát triển nền tảng quản trị, vận hành hạ tầng blockchain trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu, đề xuất tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ blockchain trong an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN), bí mật quân sự trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu, tham mưu các giải pháp để đẩy mạnh tích hợp, ứng dụng công nghệ blockchain, đồng thời phát huy vai trò của blockchain trong việc thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả các hoạt động phối hợp liên thông và xây dựng các nền tảng, dịch vụ công nghệ số tin cậy trên địa bàn xã. Đề xuất các giải pháp để tham gia xây dựng chính sách thúc đẩy các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp phát triển và ứng dụng blockchain thông qua việc ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ được ứng dụng và phát triển công nghệ blockchain được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn xã.

- Triển khai đầy đủ các nội dung về ứng dụng công nghệ blockchain trong chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ blockchain trong hoạt động của các cơ quan quản lý cũng như sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

4. Dữ liệu số

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện kế hoạch của tỉnh về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây phù hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Bổ sung, điều chỉnh, nâng cao chỉ số đánh giá ứng dụng công nghệ điện toán đám mây vào bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI) để nâng cao kết quả ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trên địa bàn xã hàng năm.

- Thực hiện và duy trì việc kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân để duy trì và phát triển dữ liệu tạo thành kho dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng, hoàn thiện các CSDL phục vụ chuyển đổi số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, trước hết, tập trung triển khai phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, dịch vụ, văn hóa, du lịch...

- Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để bảo vệ dữ liệu, quyền lợi người sử dụng và ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật sử dụng các hệ thống, dịch vụ điện toán đám mây.

- Tăng cường triển khai thử nghiệm, diễn tập an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho các hệ thống, dịch vụ điện toán đám mây.

5. Nền tảng số

- Nghiên cứu, triển khai và sử dụng các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia, bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo khung kiến trúc chính quyền điện tử.

- Triển khai ứng dụng nền tảng trợ lý ảo, trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc 03 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; trợ lý ảo phục vụ người dân.

6. Nhân lực số

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, người dân về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

- Tổ chức hội nghị về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin...

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2).

- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa

đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Duy trì các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể: Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định, hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố, các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Phối hợp thực hiện giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý, giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Chính quyền số

- Triển khai các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai ứng dụng các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối...vào phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Rà soát thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các DVCTT thiết yếu, nhiều người dùng.

- Triển khai trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

9. Kinh tế số

- Triển khai hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm Ocop lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn theo Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Triển khai hỗ trợ công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp được tiếp cận các chương trình, nội dung về chuyển đổi số cho doanh nghiệp do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai, cũng như các nội dung, nhiệm vụ mà Chủ tịch UBND tỉnh đã giao tại Chương trình

hành động số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 để đạt mục tiêu 30% doanh nghiệp được sử dụng nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ và nâng cao chất lượng việc chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao năng suất lao động, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh để góp phần tăng trưởng chỉ số GRDP trên địa bàn xã.

10. Xã hội số

- Triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế trên địa bàn xã đạt 100% theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/4/2022 về triển khai đề án không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các chương trình: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có một đường Internet cáp quang băng rộng, mỗi người dân có một danh tính số, mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, mỗi người dân có một chữ ký số cá nhân, mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản, mỗi người dân có kỹ năng số cơ bản, do UBND tỉnh xây dựng, hướng dẫn.

- Tiếp tục triển khai hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng tới hiệu quả, trong đó tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: (1) Nông nghiệp, (2) Du lịch, (3) Y tế, (4) Giáo dục, (5) văn hóa...

- Thực hiện chuyển đổi số trong trường học thuộc phạm vi quản lý. Trước hết, là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính, hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa, phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức và nhân

dân. Thực hiện đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền như: Xây dựng chuyên mục, phóng sự, hội thảo, hội nghị, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của tỉnh, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp, phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

5. Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số, rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

6. Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp Viễn thông, CNTT, Sở Khoa học - Công nghệ để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội

Là bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng, trung tâm cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, báo cáo UBND xã, chủ tịch UBND xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã (định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất).

2. Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tham mưu cho UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã.

- Duy trì, phát triển Hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thư điện tử...

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hoá - Xã hội triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

- Bổ sung việc đánh giá về chuyển đổi số vào việc xem xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các tập thể, cá nhân

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp với phòng Văn hóa và Xã hội thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các Kế hoạch tỉnh đã ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ động tham mưu cho UBND xã nguồn kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số hàng năm theo quy định.

4. Công an xã

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã, tham mưu xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được Công an tỉnh phê duyệt.

5. Trung tâm cung ứng Dịch vụ công

Chủ trì, phối hợp với các phòng, trung tâm cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đồng đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Cổng Thông tin điện tử xã.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của UBND xã Tượng Lĩnh, Chủ tịch UBND xã yêu cầu các phòng ban chuyên môn có liên quan, các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ và nội dung kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả cao trong năm 2026./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (B/c);
- TT Đảng ủy, HĐND xã (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (B/c);
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể (P/h);
- Các phòng thuộc UBND, trung tâm CUDVC (T/h);
- Các đơn vị trên địa bàn xã (T/h);
- Các doanh nghiệp trên địa bàn xã (T/h);
- Các doanh nghiệp Viễn thông (P/h);
- Các thôn (T/h);
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Bình